TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 04/ 6/ 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI,TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hành .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Lễ; Ông BLong Hâm.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Minh Quang ,Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi,tỉnh Kon tum tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Chinh Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi ,tỉnh Kon tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày17/ 4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 17/5/2019 đối với các bị cáo:

1- Trương Văn T; (Tên gọi khác: không có). Sinh năm 1988, tại: T. Nơi cư trú: xóm A, xã L, TP T, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: không ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: S; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 7/12; Bố đẻ: Trương Văn T; sinh 1960 (chết năm 2012).Mẹ đẻ: Diệp Thị K (Diệp Thị X) sinh 1960 Nơi cư trú: xóm A, xã L, TP T, tỉnh T.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ: Từ ngày 22/12/2018 đến nay.

Gia đình có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh 1980. Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Vợ con: chưa có.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2- Trương Văn T; (Tên gọi khác: Không có).Sinh năm 1974 tại: T. Nơi cư trú: xóm H, xã P, thị xã P,tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: không ổn định, Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: S; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 4/12; Bố đẻ: Trương Văn T; sinh 1949. Mẹ đẻ: Phạm Thị T ; sinh 1950. Nơi cư trú: xóm H, xã P, thị xã P, tỉnh T.

Tền án : Không

Tiền sự: Có 01 tiền sự . Ngày 20/06/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh T Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa chấp hành.

Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ: Từ ngày 22/12/2018 cho đến nay.

Gia đình có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh 1972. Bị can là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Đặng Thị T ; sinh 1976, Nơi cư trú: xóm H, xã P, thị xã P, T. Bị caó có hai con, con lớn nhất sinh 1995, nhỏ nhất sinh 1997. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Đàm Văn Ơ. (Tên gọi khác: Không có) Sinh ngày: 17/08/1974 tại: B. Nơi cư trú: làng S, xã K, huyện M, tỉnh G.Chỗ ở hiện nay: không ổn định Quốc tịch: Việt Nam, Dân Tộc: T; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 01/12; Bố đẻ: Đàm Văn N; sinh 1940. Mẹ đẻ: Mùng Thị N ; sinh 1944 (đã chết). Bố bị caó hiện đang sinh sống tại xã Q, huyện B, tỉnh B.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ: Từ ngày 22/12/2018 cho đến nay.

Gia đình bị can có 02 anh em, anh lớn sinh 1966. Vợ: Lâm Thị Út T; sinh 1979 (chung sống như vợ chồng từ 1997 -2000).Nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện Đ, L. Con: Đàm Văn K, sinh 1998. Hiện đang thi hành án tại Trại giam Gia Trung, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Những người bị hại:

1. Bà Vương Thị L trú tại: Thôn 6 thị trấn P huyện N; Xin xét xử vắng mặt.

2 .Ông Trần Thanh N ; Trú tại Tổ dân phố thị trấn P huyện N; Xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T; Trú tại: Tổ dân phố 4 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đức T ,Trú tại: Tổ dân phố 6 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Lê Văn H, Trú tại: Tổ dân phố 2 thị trấn P huyện N; Xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Trần Văn V, Trú tại: Tổ dân phố 2 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Hoàng Trường T, Trú tại: Tổ dân phố 2 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Đình Minh P, Trú tại: Tổ dân phố 2 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

9. Ông Võ Đức S, Trú tại: Thôn 4 xã T huyện Đ; tỉnh K; Xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Từ Anh T, Trú tại: Tổ dân phố 3 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Lê Thị V, Trú tại: Thôn Đ xã Đ huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, Tổ dân phố 5 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S, Thôn Đ xã Đ huyện N; Xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thu H, Tổ dân phố 4 thị trấn P huyện N, Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/12/2018 đến ngày 22/12/2018 các đối tượng Trương Văn T, Trương Văn T, Đàm Văn Ơ do chưa tìm được việc làm nên cùng nhau ở tại căn nhà hoang thuộc đường Đinh Tiên H thuộc tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 00h 00 phút ngày 15/12/2018, T mượn xe mô tô BKS 20H1-9402 của một người tên S (không xác định được lai lịch) đi từ nơi ở là căn nhà bỏ hoang tại Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, K để tìm trộm bình ắc quy xe ô tô tải bán lấy tiền tiêu xài, trước khi đi T mang theo dụng cụ gồm đèn pin đội đầu, cờ lê ổ cắm, kìm, tuốc nơ vít. Khi điều khiển xe đến đường H đoạn trước Bưu điện huyện N thì gặp T đang đi bộ, T rủ T cùng đi trộm cắp tài sản với mình thì T đồng ý. T chở Tình đến phía trước cửa hàng vật liệu xây dựng "Thước Hải" đường Trần Phú thuộc tổ dân phố 4, thị trấn P thì thấy xe ô tô tải của anh T đang đậu trên vỉa hè, T và T cùng nhau dùng dụng cụ tháo lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai", sau đó chở đến gần điểm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị T thuộc tổ dân phố 5, thị trấn P cất dấu. T tiếp tục chở Tình đến phía trước cửa hàng vật liệu xây dựng "Tĩnh Huế" đường Trần Hưng Đạo thuộc tổ dân phố 6, thị trấn P, thấy xe ô tô tải của anh Nguyễn Đức T đang đậu trước cửa hàng, T và T cùng tháo lấy được 02 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai", sau đó đem đến trước cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị T cất giấu. Đợi đến khoảng 06h 30p cùng ngày, khi chị T mở cửa hàng thì T cùng T mang 03 bình ắc quy trộm cắp được vào bán cho chị Nguyễn Thị T tại cửa hàng thu mua phế liệu với giá mua phế liệu 01kg là 18.000đ, chị T đưa cho T số tiền 1.080.000đ.(Một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)

Khoảng 00h 00 phút ngày 16/12/2018, T mang theo các dụng cụ đi bộ một mình từ căn nhà hoang với mục đích trộm cắp tài sản, T thấy xe ô tô tải của anh Lê Văn H đang đậu trước nhà tại đường Trần Quốc Toản thuộc tổ dân phố 2, thị trấn P, T dùng dụng cụ tháo lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai", sau đó đem về nơi ở cất giấu. Đến khoảng 07h00 cùng ngày, T mượn xe mô tô của S mang bình ắc quy đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn S thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện N, bán với giá phế liệu là 01 kg 16.000đ, anh S trả cho T số tiền 448.000đ.(Bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Khoảng 02h00 ngày 16/12/2018, Đàm Văn Ơ đi bộ một mình từ căn nhà hoang để tìm trộm cắp tài sản, Ơ đi bộ đến thôn Đ, xã Đ thì thấy Garage "Châu Nguyễn" do chị Lê Thị V làm chủ không đóng cửa, phía trước có điện chiếu sáng.

Ơ đi vào bên trong thấy ở hiên có 01 bình ắc quy nhãn hiệu "GS" nên lén lút lấy trộm, đem đến trước điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn S thuộc thôn Đ, xã Đ đợi cửa hàng mở cửa. Đến khoảng 07h00 cùng ngày anh S mở cửa thì Ơ đem bình ắc quy vào và bán với giá phế liệu 01kg là 16.000đ, anh Sơn trả cho Ơ số tiền 391.000đ.(Ba trăm chín mốt ngàn đồng).

Chiều ngày 17/12/2018, T, T, Ơ cùng nhau bàn bạc đi trộm cắp cà phê của người dân phơi ven đường. Khoảng 00h 30p ngày 18/12/2018 Th mượn xe của S nhưng không nói rõ là đi đâu thì S đồng ý, trước khi đi Th mang theo hai bao tải màu đó, T điều khiển xe chở Th, Ơ đi lên khu vực thôn 6, thị trấn P thì lượm được một bao tải màu trắng. Khi đến khu vực nhà chị Vương Thị L, T dừng xe ven đường, Th, T, Ơ cùng nhau hốt cà phê của chị L vào ba bao tải rồi dồn lại vào hai bao, T dùng xe mô tô chở 02 bao tải màu đỏ chạy đến dốc Đ cất giấu vào bãi cỏ ven đường rồi tiếp tục quy lại vị trí ban đầu, lần này Th dùng xe mô tô chở một bao tải màu trắng mà Ơ và Th hốt được cùng chạy lên chỗ T giấu cà phê trước đó. Trong lúc Th chở cà phê đi giấu, Ơ và T tiếp tục đi bộ về hướng thị trấn P, khi đến trước nhà anh Trần Thanh Nh thuộc tổ dân phố 5, thị trấn P, T và Ơ lượm được 03 bao tải và thay nhau hốt cà phê, lúc Th quay lại thấy T và Ơ đang hốt cà phê thì dừng xe đứng đợi, khi đầy hai bao thì Th chở hai bao cà phê đi giấu tại dốc Đ sau đó quay lại chở T, Ơ và bao cà phê còn lại đến điểm dốc Đ ngồi nghỉ. Lúc đó tổ tuần tra Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kon Tum đi tuần tra, kiểm soát thấy có biểu hiện nghi vấn nên quay lại kiểm tra, các đối tượng bỏ trốn, bỏ lại xe mô tô BKS 20H1-9402 và 06 bao cà phê.

Khoảng 00h 00phút ngày 20/12/2018, Th đi bộ mang theo bộ dụng cụ đi tìm tài sản để trộm cắp, thấy xe ô tô tải của anh Trần Văn V đang đậu phía trước nhà ngã ba Ngô Gia Tự và Đinh Tiên Hoàng thuộc tổ dân phố 2, thị trấn P, T dùng dụng cụ tháo lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai", sau đó cất giấu ở đường Đinh Tiên Hoàng. T tiếp tục đi tìm tài sản thì thấy xe ô tô tải của anh Hoàng Trường Thịnh đậu trước hiên nhà tại đường Ngô Gia Tự thuộc tổ dân phố 2, thị trấn P, Th dùng dụng cụ trộm cắp được 02 bình ắc quy đều có nhãn hiệu "Dongnai" đem về chỗ cũ cất giấu. Th tiếp tục tìm kiếm thì thấy xe ô tô tải của anh Trần Đình Minh Phụng đậu trên đường Ngô Gia Tự, Th đang dùng dụng cụ tháo 02 bình ắc quy thì T đi tới và xin tham gia trộm cắp cùng thì Th đồng ý, Th và T cùng nhau tháo lấy được 02 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai" rồi đem đến chỗ cất giấu trước đó. Đến khoảng 07h00 cùng ngày Th chở T bằng xe mô tô đem 05 bình ắc quy trộm cắp được đến bán cho chị Trần Thị Thu H tại thôn 4, thị trấn P, bán với giá phế liệu 01kg là 17.000đ, chị H trả cho Th số tiền 1.800.000đ,(Một triệu tám trăm ngàn đồng), Th đưa cho T 100.000đ còn giữ lại tiêu xài cá nhân 530.000đ, còn lại số tiền

1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) sau đó đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

Khoảng 01h 00 phút ngày 22/12/2018, Th đi bộ mang theo dụng cụ, đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp, thấy xe ô tô tải của anh Từ Anh Tuấn đang đậu ở hẻm Ngô Gia Tự thuộc tổ dân phố 3, thị trấn P, T dùng dụng cụ tháo lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu "GS" đem đi cất giấu tại ven đường Đinh Tiên Hoàng rồi tiếp tục đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước chợ thị trấn P thì gặp T đi bộ tới, T xin đi cùng thì T đồng ý, thấy xe ô tô tải của anh Võ Đức S đang đậu trên vỉa hè đường Hùng Vương thuộc tổ dân phố 2, thị trấn P, Th và T cùng nhau tháo lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu "Dongnai", đem đi cất giấu tại vị trí trước đó đợi đến sáng đem đi tiêu thụ nhưng chưa tiêu thụ được. Đến sáng ngày 22/12/2018 Th và T được Cơ quan CSĐT Công an huyện N mời lên làm việc và đã giao nộp 02 bình ắc quy trên.

- Tại bản kết luận định giá tài sản, số 199/KLHĐ ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận: 120kg cà phê chưa bóc vỏ của Ông Trần Thanh N có giá trị: 1.920.000đ.(Một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

- Tại bản kết luận định giá tài sản, số 200/KLHĐ ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận: 154kg cà phê chưa bóc vỏ của Bà Vương Thị L có giá trị: 2.772.000đ.(Hai triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng)

- Tại bản kết luận định giá tài sản, số 209/KLHĐ ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận:

+ 01 bình ắc quy của anh Nguyễn Văn T có giá trị: 2.200.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Nguyễn Đức T có giá trị: 4.160.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Lê Văn H có giá trị: 2.350.000đ;

+ 01 bình ắc quy của chị Lê Thị V có giá trị: 2.040.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Trần Văn V có giá trị: 1.780.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Hoàng Trường T có giá trị: 3.760.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Trần Đình Minh P có giá trị: 4.080.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Từ Anh T có giá trị: 1.880.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Võ Đức S có giá trị: 2.000.000đ;

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum, đã truy tố các bị cáo Trương Văn Th, Trương Văn T, Đàm Văn Ơ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo

về tội danh như cáo trạng và xác định sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị mỗi lần trên 2.000.000đ nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự *phạm tội 02 lần trở lên* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52, điều 17, điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn Th mức hình phạt từ 18 (Mười tám) đến 22 (Hai mươi hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam. Xử phạt bị cáo Trương Văn T mức hình phạt tù từ 14 (Mười bốn) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ , tạm giam; . Xử phạt bị cáo Đàm Văn Ơ mức hình phạt tù từ 10 (Mười) tháng đến 14 (Mười bốn) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ , tạm giam;

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì đối với các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về xử lý vật chứng: - Đối với vật chứng vụ án là 154 kg cà phê khô của bà Vương Thị L, 120 kg cà phê khô của ông Trần Thanh N, 01 bình ắc quy của anh Lê Văn H, 01 bình ắc quy của chị Lê Thị V, 01 bình ắc quy của anh Trần Văn V, 02 bình ắc quy của anh Hoàng Trường Th, 02 bình ắc quy của anh Trần Đình M Phụng, 01 bình ắc quy của anh Từ Anh T, 01 bình ắc quy của anh Võ Đức S, xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp;.

Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Đối với số tiền 1.170.000đ do phạm tội mà có đã được gửi vào tài khoản số: 3949.0.1054085 tại Kho bạc nhà nước huyện Ngọc Hồi;

- 01 xe mô tô BKS 20H1-9402, nhãn hiệu Loncin, số máy: EC150FMG02026853; số khung: VNSPEG00515053853;

- 1.000.000đ (Một triệu đồng) do gia đình bị cáo Trương Văn T nộp để khắc phục bồi thường thiệt hại , khắc phục hậu quả cho các bị hại, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/ 0005919 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 02 đèn pin loại đội đầu đã qua sử dụng, màu vàng, trên mỗi đèn có chữ MICKEY, dây đội đầu màu đen;

+ 01 dây thun dài khoảng 2,5m, rộng 01cm, dày 01mm;

+ 01 kìm bấm chết đã qua sử dụng bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng đen, có chữ số BOSHI số 0S283181;

+ 01 tuốc nơ vít đã qua sử dụng dài khoảng 25cm, cán nhựa màu đen;

+ 01 cờ lê ổ cắm đã qua sử dụng bằng kim loại màu đen dài khoảng 18cm, một đầu bẻ cong, loại 12-12;

+ 01 điện thoại di động bên ngoài bọc vỏ gỗ màu đen, bên trong có điện thoại nhãn hiệu Nokia màu trắng, không có bàn phím và vỏ nhựa mặt trước, có gắn sim Viettel số seri 8984048000018908669, số IMEL điện thoại: 351877/01/483093/5, vỏ gỗ mặt sau bị vỡ

(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra với cơ quan thi hành án dân sự huyện N).

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì , các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh : Lời khai của bị cáo Trương Văn Th, Trương Văn T, Đàm Văn Ơ tại phiên tòa khai nhận phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoản thời gian từ ngày 15/12/2018 đến ngày 22/12/2018 các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, không có ai trông coi tài sản, Nên các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp cà phê, bình ắc quy xe ô tô, để đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân .

Bị cáo Trương Văn Th đã cùng với Trương Văn T, Đàm Văn Ơ trộm cắp cà phê của bà Vương Thị L, ông Trần Thanh N, với giá trị tài sản là 4.692.000đ và cùng với Trương Văn Tình trộm cắp trộm cắp bình ắc quy của anh Nguyễn Văn Th, Nguyễn Đức T, Trần Đình Minh P, Võ Đức S, với giá trị tài sản là 12.440.000đ.

Ngoài ra, một mình Trương Văn Th còn trộm cắp bình ắc quy của anh Lê Văn H, Trần Văn V, Hoàng Trường T, Từ Anh T với giá trị tài sản là 9.770.000đ. Một mình Đàm Văn trộm cắp bình ắc quy của chị Lê Thị V với giá trị tài sản trộm cắp là 2.040.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số 199/KLHĐ ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận: 120kg cà phê chưa bóc vỏ của ông N có giá trị: 1.920.000đ.(Một triệu chín trăm hai mươi ngàn)

- Tại bản kết luận định giá tài sản, số 200/KLHĐ ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận: 154kg cà phê chưa bóc vỏ của Bà Vương Thị L có giá trị: 2.772.000đ.(Hai triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn)

- Tại bản kết luận định giá tài sản, số 209/KLHĐ ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Ngọc Hồi kết luận:

+ 01 bình ắc quy của anh Nguyễn Văn T có giá trị: 2.200.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Nguyễn Đức T có giá trị: 4.160.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Lê Văn H có giá trị: 2.350.000đ;

+ 01 bình ắc quy của chị Lê Thị V có giá trị: 2.040.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Trần Văn V có giá trị: 1.780.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Hoàng Trường T có giá trị: 3.760.000đ;

+ 02 bình ắc quy của anh Trần Đình Minh P có giá trị: 4.080.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Từ Anh T có giá trị: 1.880.000đ;

+ 01 bình ắc quy của anh Võ Đức S có giá trị: 2.000.000đ;

Tổng giá trị tài sản mà các bị caó trộm cắp như sau: Trương Văn Th trộm cắp là 26.902.000đ,(Hai mươi sáu triệu chín trăm linh hai ngàn đồng),Trương Văn T trộm cắp là 17.132.000đ,(Mười bảy triệu một trăm ba mươi hai ngàn đồng) , Đàm Văn Ơ trộm cắp là 6.732.000đ , như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th là người thực hiện hành vi trộm cắp trước tiên, sau đó có rủ T, ơ cùng tham gia, các bị cáo cùng nhau đi thực hiện hành vi trộm cắp, mặc dù không có sự phân công hay bàn bạc gì, nhưng cùng nhau đi tìm thấy tài sản là thực hiện trộm cắp, Vì vậy các bị cáo thực hiện phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng phạt, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài, nên các bị cáo đã cố ý phạm tội và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người khác. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.Tuy nhiên, khi

quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Về nhân thân: Các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị mỗi lần trên 2.000.000đ nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự *phạm tội 02 lần trở lên* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Riêng đối với bị cáo Trương Văn T Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo cũng đã thuyết phục gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho những người bị hại, nên cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 điều 51, Ngoài ra, Gia đình bị cáo có bố, mẹ là những người tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đã được tặng thưởng Huy chương hạng Nhì, vì vậy khi xem xét hình phạt cũng cần cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị đối với các bị cáo từ 10 (Mười) đến 22 (Hai mươi hai)) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng vụ án là 154 kg cà phê khô của bà Vương Thị L, 120 kg cà phê khô của ông Trần Thanh N, 01 bình ắc quy của anh Lê Văn H, 01 bình ắc quy của chị Lê Thị V, 01 bình ắc quy của anh Trần Văn V, 02 bình ắc quy của anh Hoàng Trường T, 02 bình ắc quy của anh Trần Đình Minh P, 01 bình ắc quy của anh Từ Anh T, 01 bình ắc quy của anh Võ Đức S, xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; Nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

Áp dụng Khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ,tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Đối với số tiền 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) do phạm tội mà có đã được gửi vào tài khoản số: 3949.0.1054085 tại Kho bạc nhà nước huyện N;

- 1.000.000đ (Một triệu đồng) do gia đình bị cáo Trương Văn T nộp để khắc phục bồi thường thiệt hại , khắc phục hậu quả cho các bị hại, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/ 0005919 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- 01 xe mô tô BKS 20H1-9402, nhãn hiệu Loncin, số máy: EC150FMG02026853; số khung: VNSPEG00515053853;

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 02 đèn pin loại đội đầu đã qua sử dụng, màu vàng, trên mỗi đèn có chữ MICKEY, dây đội đầu màu đen;

+ 01 dây thun dài khoảng 2,5m, rộng 01cm, dày 01mm;

+ 01 kìm bấm chết đã qua sử dụng bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng đen, có chữ số BOSHI số 0S283181;

+ 01 tuốc nơ vít đã qua sử dụng dài khoảng 25cm, cán nhựa màu đen;

+ 01 cờ lê ổ cắm đã qua sử dụng bằng kim loại màu đen dài khoảng 18cm, một đầu bẻ cong, loại 12-12;

+ 01 điện thoại di động bên ngoài bọc vỏ gỗ màu đen, bên trong có điện thoại nhãn hiệu Nokia màu trắng, không có bàn phím và vỏ nhựa mặt trước, có gắn sim Viettel số seri 8984048000018908669, số IMEL điện thoại: 351877/01/483093/5, vỏ gỗ mặt sau bị vỡ.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra với cơ quan thi hành án dân sự huyện N).

[7]Về án phí : Áp dụng Điều136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 và Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn Th, Trương Văn T, Đàm Văn Ơ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 và Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Trương Văn Th 18 (Mười tám) tháng tù , thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/12/2018)

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 và Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Trương Văn T 12 (Mười hai) tháng tù , thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/12/2018)

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 và Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Đàm Văn Ơ 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/12/2018)

2. Về trách nhiệm dân sự: Các Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ,tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Đối với số tiền 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) do phạm tội mà có đã được gửi vào tài khoản số: 3949.0.1054085 tại Kho bạc nhà nước huyện N;

- 1.000.000đ (Một triệu đồng) do gia đình bị cáo Trương Văn T nộp để khắc phục bồi thường thiệt hại , khắc phục hậu quả cho các bị hại, theo biên lai thu tiền số: AA/2010/ 0005919 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- 01 xe mô tô BKS 20H1-9402, nhãn hiệu Loncin, số máy: EC150FMG02026853; số khung: VNSPEG00515053853;

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 02 đèn pin loại đội đầu đã qua sử dụng, màu vàng, trên mỗi đèn có chữ MICKEY, dây đội đầu màu đen;

+ 01 dây thun dài khoảng 2,5m, rộng 01cm, dày 01mm;

+ 01 kìm bấm chết đã qua sử dụng bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng đen, có chữ số BOSHI số 0S283181;

+ 01 tuốc nơ vít đã qua sử dụng dài khoảng 25cm, cán nhựa màu đen;

+ 01 cờ lê ổ cắm đã qua sử dụng bằng kim loại màu đen dài khoảng 18cm, một đầu bẻ cong, loại 12-12;

+ 01 điện thoại di động bên ngoài bọc vỏ gỗ màu đen, bên trong có điện thoại nhãn hiệu Nokia màu trắng, không có bàn phím và vỏ nhựa mặt trước, có gắn sim Viettel số seri 8984048000018908669, số IMEL điện thoại: 351877/01/483093/5, vỏ gỗ mặt sau bị vỡ.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra với cơ quan thi hành án dân sự huyện N).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Văn Th, Trương Văn T, Đàm Văn Ơ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2019). Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND Huyện Ngọc hồi;

- Công an Huyện Ngọc hồi,
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum
- Chi cục THA Huyện Ngọc hồi;
- Bị cáo, bị hại; người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Hành